

**CÔNG TY CP TRUYỀN THÔNG SỰ KIỆN VÀ TỔ CHỨC LỄ HỘI KHINH KHÍ  
CẦU QUỐC TẾ KINGSKY**

**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP TRUYỀN THÔNG SỰ KIỆN VÀ TỔ CHỨC LỄ HỘI KHINH KHÍ CẦU QUỐC TẾ KINGSKY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KINGSKY INTERNATIONAL EVENT COMMUNICATION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: KINGSKY INTERNATIONAL EVENT COMMUNICATION.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110473425

**3. Ngày thành lập:** 12/09/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 4, Tòa ACCI, 210 Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0961655558

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                | 4632        |
| 2.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                  | 4633        |
| 3.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                              | 4641        |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                | 4649        |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                   | 4659        |
| 6.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                 | 4669        |
| 7.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                         | 8230        |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Trừ hoạt động đấu giá                                                                                                                  | 8299        |
| 9.  | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                       | 8552        |
| 10. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí                                                                                                                                                                        | 9000        |
| 11. | Hoạt động của các cơ sở thể thao                                                                                                                                                                                  | 9311        |
| 12. | Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao                                                                                                                                                                             | 9312        |
| 13. | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề                                                                                                                                                     | 9321        |
| 14. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí<br>(Trừ hoạt động sản nhảy, hoạt động của các phòng hát karaoke) | 9329(Chính) |
| 15. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                          | 7020        |

|     |                                                                                                                          |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Quảng cáo                                                                                                                | 7310 |
| 17. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                 | 7320 |
| 18. | Hoạt động nhiếp ảnh                                                                                                      | 7420 |
| 19. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu                                                  | 7490 |
| 20. | Cho thuê xe có động cơ<br>Trừ hoạt động đấu giá                                                                          | 7710 |
| 21. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                         | 4722 |
| 22. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                           | 1410 |
| 23. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                              | 5210 |
| 24. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                | 5510 |
| 25. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                       | 5590 |
| 26. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                         | 5610 |
| 27. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình                                                 | 5911 |
| 28. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                         | 5912 |
| 29. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình                                                | 5913 |
| 30. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                           | 7730 |
| 31. | Đại lý du lịch                                                                                                           | 7911 |
| 32. | Điều hành tua du lịch                                                                                                    | 7912 |
| 33. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                      | 7990 |
| 34. | Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan<br>Chi tiết: sản xuất kinh khí cầu<br>Trừ sản xuất máy bay, tàu vũ trụ | 3030 |
| 35. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                               | 4763 |
| 36. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                 | 4764 |
| 37. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                         | 4771 |
| 38. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                 | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 50.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 5.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức        | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | TRẦN THỊ NA | Tổ 3, Phường<br>Quang Trung,<br>Thành phố Thái<br>Bình, Tỉnh Thái<br>Bình, Việt Nam       | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 250.000       | 2.500.000.000            | 5,000        | 0341850085<br>88                                                                                                       |            |
|     |             |                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |             |                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |             |                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |             |                                                                                           | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |             |                                                                                           | Tổng số                            | 250.000       | 2.500.000.000            | 5,000        |                                                                                                                        |            |
| 2   | LÊ ĐỨC ANH  | Thôn Cống Trúc,<br>Xã Quảng Bình,<br>Huyện Quảng<br>Xương, Tỉnh<br>Thanh Hoá, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 500.000       | 5.000.000.000            | 10,000       | 0382030146<br>90                                                                                                       |            |
|     |             |                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |             |                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |             |                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |             |                                                                                           | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |             |                                                                                           | Tổng số                            | 500.000       | 5.000.000.000            | 10,000       |                                                                                                                        |            |

|   |                             |                                                                                                                              |                                    |               |                |        |                  |
|---|-----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|----------------|--------|------------------|
| 3 | DƯƠNG THỊ<br>PHƯƠNG<br>THẢO | Số nhà 38 Ngõ<br>180 đường<br>Nguyễn Lương<br>Bằng, Phường<br>Quang Trung,<br>Quận Đống Đa,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 4.250.0<br>00 | 42.500.000.000 | 85,000 | 0381850168<br>98 |
|   |                             |                                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0              | 0,000  |                  |
|   |                             |                                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0              | 0,000  |                  |
|   |                             |                                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0              | 0,000  |                  |
|   |                             |                                                                                                                              | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0              | 0,000  |                  |
|   |                             |                                                                                                                              | Tổng số                            | 4.250.0<br>00 | 42.500.000.000 | 85,000 |                  |
|   |                             |                                                                                                                              |                                    |               |                |        |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: TRẦN THI NA

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 20/04/1985

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034185008588

Ngày cấp: 22/08/2023

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Tổ 3, Phường Quang Trung, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Tổ 3, Phường Quang Trung, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội